

Bản án số: 38/2020/HNGĐ-ST

Ngày 14 tháng 7 năm 2020

*“V/v ly hôn”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Tú

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Chi

Bà Hoàng Thị Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Tống Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 về việc *“Ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/6/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29/6/2020, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị Thân Việt Đ, sinh năm 1992 (có mặt)

HKTT: Xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

**\* Bị đơn:** Anh Nguyễn Xuân K, sinh năm 1990 (vắng mặt)

HKTT: Xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: Số A, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2020, Bản tự khai, Biên bản hòa giải trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Thân Việt Đ trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Xuân K trước khi kết hôn có thời gian tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang ngày 20/12/2016. Sau khi được gia đình tổ chức hôn lễ, chị và anh K về chung sống với nhau ngay. Ban đầu sống cùng gia đình chồng tại huyện Y. Sau đó chị và anh K được gia đình cho ra ở riêng tại Số A, phường L, thành phố B, tỉnh

Bắc Giang. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi mắng nhau.

Chị và anh K đã sống ly thân từ cuối tháng 02/2020 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh K, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

- Về con chung: Chị xác định chị và anh K không có con chung.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn là anh Nguyễn Xuân K trình bày như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận anh và chị Đ tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 20/12/2016 tại UBND xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống vợ chồng không tránh khỏi một số mâu thuẫn. Nay chị Đ yêu cầu ly hôn, anh xác định vợ chồng mâu thuẫn chưa đến mức độ trầm trọng, vẫn còn khả năng đoàn tụ gia đình nên anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh K xác định vợ chồng chưa có con chung.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Biên bản xác minh ngày 11/6/2020 tại địa phương, thể hiện chị Thân Việt Đ và anh Nguyễn Xuân K có đăng ký kết hôn hợp pháp, cùng cư trú tại Số A, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống, chị Đ và anh K có mâu thuẫn như thế nào địa phương không rõ. Nay chị Đ có yêu cầu khởi kiện ly hôn anh K, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

\* Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt nên các đương sự không tự thỏa thuận với nhau được về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thân Việt Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Thân Việt Đ được ly hôn anh Nguyễn Xuân K.

- Về con chung, tài sản chung và công nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.
- Về án phí: Chị Thân Việt Đ phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Xuân K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh K.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Thân Việt Đ thì thấy đây là quan hệ “Ly hôn”. Bị đơn là anh K có địa chỉ cư trú tại thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang giải quyết là đúng với quy định của pháp luật về thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thân Việt Đ và anh Nguyễn Xuân K đăng kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 20/12/2016 tại UBND xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Đ xác định sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, chị và anh K đã ly thân từ cuối tháng 02/2020 cho đến nay. Anh K xác định mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, vợ chồng còn khả năng đoàn tụ nên anh không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, vợ chồng chị Đ và anh K đã sống ly thân thời gian khá dài. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã kiên trì tiến hành hòa giải về tình cảm vợ chồng giữa các đương sự nhiều lần nhưng chị Đ vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh K. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Đ và anh K đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của chị Đ là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[3.2]. Về con chung: Chị Đ và anh K đều xác định chưa có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Đ và anh K đều không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Thân Việt Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thân Việt Đ.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Thân Việt Đ được ly hôn anh Nguyễn Xuân K.
2. *Về con chung:* Không có, không đặt ra xem xét giải quyết.
3. *Về tài sản chung và công nợ chung:* Không đặt ra xem xét, giải quyết.
4. *Về án phí:* Chị Thân Việt Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0000887 ngày 27/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

5. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TP. B;
- CCTHA dân sự TP. B;
- UBND xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Văn Tú**